

DANH SÁCH HỌC SINH XIN CHUYỂN TRƯỜNG LỚP 7 NĂM HỌC 2017-2018

STT	HỌ	TÊN	Nữ	Ngày	Tháng	Năm	HK	Trường cũ	TBCN	Văn	Toán	Anh	Lớp 123	Lớp 45	TATC
1	NGUYỄN NHẬT	KHANG		18	9	2005	P14 Q10	NTP	8.8	6.7	9.4	9.3	X	X	X
2	ĐẶNG THUỶ	TIÊN	X	23	2	2005	P8Q10	NVL Q6	9.5	8.4	9.8	9.4	X	X	X
3	LÊ MINH	DUY		9	12	2005	P13 Q10	LL Q3	9.5	8.8	9.6	9.5	X	X	X
4	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGHI	X	20	1	2005	P13 Q10	CMT8	8.2	8.1	7.1	8.4	X	X	X
5	LƯƠNG GIA	BẢO		16	11	2005	P1 Q10	LL Q3	8.9	8.1	8.5	9.2	X	X	X
6	ĐÀO HUỲNH HÂN	NHIÊN	X	31	1	2005	P15 Q10	TP	9.2	8.5	8.1	9.6	X	X	X
7	LÊ MINH	KHÔI		9	10	2005	P4 Q10	HVT	8.8	8.9	9	8.8	X	X	X
8	TẠ HOÀ	TRIỀU		10	9	2005	P5 Q10	HB Q5	9.0	8	9.6	9.2	X	X	X
9	LÊ NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	X	28	10	2005	P12 Q10	CMT8	9.3	8.2	9.4	9	X	X	X
10	PHẠM NGUYỄN VÂN	ANH	X	8	8	2005	P15 Q10	NTP	8.7	7.3	8.7	8.8	X	X	X
11	TẠ LÂM PHƯƠNG	DUY		14	12	2005	P5 Q10	NTP	8.8	7.3	9.2	9.4	X	X	X
12	NGUYỄN CÔNG	MINH		4	10	2005	P13 Q10	CMT8	9.3	8.4	9.4	9.2	X	X	X
13	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	MAI	X	6	12	2005	P14 Q10	HVT	8.5	7.3	9.2	8.8	X	X	X
14	NGUYỄN LƯU KHẢI	PHƯƠNG	X	19	4	2005	P15 Q10	TP	9.6	8	9.2	9.1	X	X	X
15	NGUYỄN LƯU KHẢI	BÌNH	X	19	4	2005	P15 Q10	TP	8.6	7.8	8.3	8.7	X	X	X
16	NGUYỄN THIỆN	ANH		11	5	2005	P14 Q10	HVT	9.1	8.6	9	9.4	X	X	X
17	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	x	26	2	2005	P14 Q10	PD Q6	9.7	9.4	9.8	9.9	X	X	X
18	TRẦN NGUYỄN MINH	HIẾU		9	10	2005	P10 Q10	CMT8	8.2	7.1	8.4	8.6	X	X	X

Duyệt Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10

Phòng Giáo dục và Đào tạo
đã thành lập hồ sơ chuyển trường.
Ngày 12/7/2017

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thành Văn

Quận 10, ngày 12 tháng 7 năm 2017



TS. NGUYỄN THÀNH PHÁT